

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

Mục Lục

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1. Ngành đào tạo.....	1
2. Tên văn bằng	1
3. Cơ sở cấp bằng	1
4. Cơ sở tổ chức giảng dạy.....	1
5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình	1
6. Tiêu chí tuyển sinh	3
7. Thời gian đào tạo	3
8. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	4
10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn	5
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	5
1. Mục tiêu	5
2. Chuẩn đầu ra.....	6
3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập	8
4. Phương pháp đánh giá	10
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	11
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	12
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	12
3. Kiến thức ngoại ngữ	14
4. Kiến thức hướng nghiệp	15
5. Kiến thức tốt nghiệp	15
6. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra ..	16
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN	20
V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN	24

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Truyền thông quốc tế

Mã ngành: 7320107

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Truyền thông quốc tế

3. Cơ sở cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy:

Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Thông tư số 24/2007/TT-BGDĐT ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 538/QĐ-HVNG ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

- Tham khảo hệ thống các học phần trong chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Báo chí truyền thông của Trường đại học RMIT (Australia); Chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Truyền thông quốc tế của Đại học Hannan (Nhật Bản); Đại học Công nghệ Sydney; Đại học Thomas More (Bi), Đại học Victoria Wellington (New Zealand) để tham chiếu.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp năm 2020 cho thấy 95.7% các cơ quan

tham gia khảo sát đánh giá ngành Truyền thông quốc tế cần thiết và rất cần thiết cho sự phát triển xã hội. 87.3% các cơ quan tham gia khảo sát cho rằng họ có nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Truyền thông quốc tế tại Học viện Ngoại giao.

- Kết quả khảo sát các cựu sinh viên và sinh viên hiện tại của Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại, Học viện Ngoại giao cũng cho thấy gần 90% sinh viên cho rằng việc học ngành Truyền thông quốc tế tại Học viện Ngoại giao là phù hợp với mong muốn của họ và đáp ứng nhu cầu tìm kiếm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận, bài tập dự án tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Có phẩm chất đạo đức tốt. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số tín chỉ và học phần quy định của ngành đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.0/4.0 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện.

4	Tin học	Theo quy định của Học viện Ngoại giao
5	Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất	- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện.
6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo Cử nhân Truyền thông quốc tế nhằm đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động những cán bộ làm công tác trong lĩnh vực truyền thông quốc tế, tại các Bộ, ban, ngành, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế; có khả năng sử dụng tiếng Anh (hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Trung Quốc) một cách thành thạo trong công việc.

Với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành truyền thông quốc tế, có hỗ trợ các kiến thức liên ngành (quan hệ quốc tế, luật quốc tế, kinh tế quốc tế) và kỹ năng ngoại ngữ được trang bị trong quá trình học tập, khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng ở nhiều vị trí khác nhau, như:

- Làm việc trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại, trao đổi và hợp tác văn hóa của các cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương, các Bộ, ban, ngành.

- Làm việc tại các hãng, các tổ chức truyền thông, báo chí trong và ngoài nước ở các vị trí: Phóng viên, bình luận viên, biên tập viên, xây dựng và dẫn chương trình, thiết kế các sản phẩm truyền thông...

- Làm việc tại các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh

nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo truyền thông, các cơ quan nghiên cứu quốc tế của Việt Nam và nước ngoài.

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

Được trang bị nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học lên bậc Sau Đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc các chuyên ngành Truyền thông (Truyền thông quốc tế; Truyền thông đại chúng; Báo chí, Quan hệ công chúng; Truyền thông liên văn hóa) và các ngành khác gắn với ngành Truyền thông tại các trường trong nước, khu vực và trên thế giới.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cử nhân Truyền thông quốc tế có chất lượng, thành thạo kỹ năng truyền thông hiện đại, biết vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng đa dạng (chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, luật pháp quốc tế), và sử dụng công cụ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc) vào hoạt động truyền thông quốc tế trong môi trường hội nhập, nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển và hội nhập toàn diện của đất nước trong giai đoạn mới (2021-2030).

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Truyền thông quốc tế có những mục tiêu cụ thể là:

- Đào tạo đội ngũ cử nhân Truyền thông Quốc tế có chất lượng, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông, cụ thể là trong lĩnh vực: thông tin đối ngoại; ngoại giao văn hóa và quan hệ công chúng.

- Đào tạo những cán bộ có chuyên môn sâu, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực truyền thông quốc tế nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển và hội nhập toàn diện của đất nước.

- Đào tạo các nhà báo, biên tập viên làm việc trong lĩnh vực báo chí và thông tin đối ngoại.

- Đào tạo các chuyên viên làm công tác thông tin đối ngoại, truyền thông quốc tế và hợp tác quốc tế tại các Bộ, ban, ngành.

- Đào tạo cán bộ nghiên cứu về lĩnh vực báo chí, truyền thông, thông tin đối ngoại, quan hệ công chúng.

- Đào tạo các chuyên viên quan hệ công chúng làm việc tại các công ty đa quốc gia, các công ty, tập đoàn của nhà nước, các công ty tư nhân trong và ngoài nước.

- Đào tạo các cán bộ, trợ giảng, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu về truyền thông quốc tế, quan hệ công chúng và ngoại giao văn hóa và nghiên cứu liên ngành truyền thông và quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế và luật quốc tế.

- Ngoài mục tiêu đào tạo về kiến thức chuyên môn giỏi, cử nhân Truyền thông quốc tế còn được đào tạo để thành thạo về ngoại ngữ (ít nhất 1 ngoại ngữ tiếng Anh/ tiếng Pháp/ hoặc tiếng Trung Quốc), sử dụng được thành thạo ngoại ngữ trong công việc.

2. Chuẩn đầu ra

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
2.1. KIẾN THỨC			
1	KT1	Nhận thức và có hiểu biết cơ bản về hệ thống kinh tế, chính trị- xã hội Việt Nam và các nước trên thế giới. Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng CSVN, hệ thống chính sách pháp luật quốc tế và	3/6

		Việt Nam nói chung và luật báo chí nói riêng.	
2	KT2	Nắm vững kiến thức nền tảng trong lĩnh vực chính trị, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, và đặc biệt là truyền thông và truyền thông quốc tế.	3/6
3	KT3	Vận dụng các kiến thức nền tảng của truyền thông để hoạch định và phân tích chính sách, chiến lược truyền thông, xử lý và quản trị khủng hoảng.	4/6
4	KT4	Áp dụng kiến thức chính trị, kinh tế, luật quốc tế, từ vận dụng năng lực truyền thông trong các hoạt động báo chí, quan hệ công chúng và ngoại giao văn hoá.	4/6
5	KT5	Phân tích được cấu trúc và bản chất của hoạt động truyền thông ở các cấp độ khác nhau từ phạm vi toàn cầu, khu vực, quốc gia đến các tổ chức.	4/6
2.2. KỸ NĂNG			
6	KN1	Xây dựng chiến lược truyền thông, quản trị khủng hoảng truyền thông.	3/5
7	KN2	Giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao văn hóa.	3/5
8	KN3	Tổng hợp, phân tích, bình luận tin tức quốc tế.	4/5
9	KN4	Đưa tin, tổ chức họp báo, tổ chức sự kiện, quảng bá và tuyên truyền đối ngoại.	5/5
10	KN5	Làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch,	4/5

		lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán.	
11	KN6	Kỹ năng ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh/ tiếng Pháp/ hoặc tiếng Trung) sau khi tốt nghiệp.	4/5
12	KN7	Kỹ năng tin học: Có kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng (Microsoft Office: Word, Excel và PowerPoint).	3/5
2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
13	NLTC1	Có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu.	4/5
14	NLTC2	Có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. Trung thành với lợi ích quốc gia – dân tộc, có trách nhiệm đối với cộng đồng.	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ (%)
<i>Giảng dạy</i>		
Thuyết giảng	Giảng viên đưa ra vấn đề, giải thích các vấn đề lý luận, quy tắc, cung cấp các nội dung học phần.	40%
Xê-mi-na	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh	20%

(Thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, thuyết trình)	viên, giữa các sinh viên với nhau để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông và rèn luyện kiến thức chuyên môn cũng như là các kỹ năng cần thiết.	
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.	15%
Mô phỏng	Xây dựng mô hình mô phỏng để người học nghiên cứu, thực hiện và phản ánh lại các quy tắc, tình huống khi tổ chức mô phỏng.	15%
Học tập thông qua thực tế trải nghiệm	Tổ chức các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo với các chuyên gia về các vấn đề của học phần. Đi thực tế tới các cơ quan, doanh nghiệp để tìm hiểu về quy trình tổ chức và làm việc.	10%
<i>Học tập</i>		
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi với giảng viên.	50%
Tự học ở nhà cá nhân hoặc nhóm ở nhà	Tự nghiên cứu tài liệu, giúp sinh viên tăng cường khả năng tự học và tự nghiên cứu.	30%
Học lý thuyết	Học lý thuyết cơ bản, hiểu được các khái niệm, bản chất của sự vật hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế	20%

Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác giữa các sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ và vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.	20%
Học theo dự án	Giúp phát triển kiến thức và các kỹ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích học sinh tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình.	10%
Kiến tập, thực tập, thực tế, thực hành	Giúp sinh viên áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn, thực tế tại các công ty, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.	20%

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: có trọng số 15% đánh giá nhận thức, thái độ và tính chuyên cần trong quá trình học của sinh viên.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: có trọng số 25% tổng điểm học phần.

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số 60% tổng điểm của học phần.

Bài thi kết thúc học phần có thể được thực hiện bằng các hình thức: viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), vấn đáp, tiểu luận, các bài tập lớn dưới dạng dự án hoặc sản phẩm truyền thông... hoặc kết hợp các hình thức đó.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do giảng viên phụ trách học phần xác định, quy định rõ trong đề cương học phần đã được Trường Khoa phê

duyet.

Điểm học phần là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm đánh giá bộ phận, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) và điểm số thang 4 (0- 4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

Stt	Nội dung	Số tín chỉ (TC)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	66

	Kiến thức cơ sở khối ngành	6
	Kiến thức cơ sở ngành	12
	Kiến thức bổ trợ	14
	Kiến thức chuyên ngành	34
3	Ngoại ngữ	24
4	Kiến thức hướng nghiệp	5
5	Kiến thức tốt nghiệp	10

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 15 tín chỉ*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
8	<i>Giáo dục thể chất</i>	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

(* không bao gồm số TC học phần *Giáo dục thể chất* và *Giáo dục quốc phòng*)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 66 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Kiến thức cơ sở khối ngành			06 TC	
1	Đại cương văn hóa Việt Nam	IC.001.02	2	Tiếng Việt
2	Tâm lý học đại cương	FC.008.02	2	Tiếng Việt
3	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	2	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành			12 TC	
1	Đại cương truyền thông đại chúng	IC.002.02	2	Tiếng Việt

2	Đại cương quan hệ công chúng	IC.003.02	2	Tiếng Việt
3	Văn hóa truyền thông đại chúng	IC.004.02	2	Tiếng Việt
4	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	IC.005.02	2	Tiếng Việt
5	Pháp luật và đạo đức truyền thông	IC.006.02	2	Tiếng Việt
6	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	IC.007.02	2	Tiếng Việt
Kiến thức bổ trợ			14 TC	
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.02	2	Tiếng Việt
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.02	2	Tiếng Việt
3	Công tác ngoại giao	IR.025.02	2	Tiếng Việt
4	Kinh tế đối ngoại	IE.007.02	2	Tiếng Việt
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02	2	Tiếng Việt
6	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.004.02	2	Tiếng Việt
7	Công pháp quốc tế	IL.005.02	2	Tiếng Việt
Kiến thức chuyên ngành			34 TC	
Học phần bắt buộc			14 TC	
1	Truyền thông đối ngoại	IC.008.02	2	Tiếng Việt
2	Truyền thông quốc tế	IC.009.02	2	Tiếng Việt
3	Tác phẩm báo chí I	IC.011.02	2	Tiếng Việt
4	Tác phẩm báo chí II	IC.012.02	2	Tiếng Việt
5	Ngoại giao văn hóa	IC.010.02	2	Tiếng Việt
6	Quản trị khủng hoảng	IC.023.02	2	Tiếng Việt
7	Quan hệ công chúng và thiết kế các sản phẩm truyền thông	IC.014.02	2	Tiếng Việt
Học phần tự chọn			20 TC	
Truyền thông quốc tế*			08 TC	
<i>* Sinh viên chọn 04 học phần (tổng cộng 08 tín chỉ) trong số các học phần</i>				
1	Ứng dụng truyền thông quốc tế	IC.015.02	2	Tiếng Việt
2	Công chúng của truyền thông	IC.016.02	2	Tiếng Việt
3	Truyền thông và phát triển xã hội	IC.017.02	2	Tiếng Việt
4	Truyền thông, chính trị và xã hội	IC.018.02	2	Tiếng Việt
5	Truyền thông mạng xã hội	IC.019.02	2	Tiếng Việt
6	Truyền thông và quan hệ quốc tế	IC.020.02	2	Tiếng Việt
7	Truyền thông đa phương tiện	IC.021.02	2	Tiếng Việt
8	Tác phẩm báo chí III	IC.013.02	2	Tiếng Việt
Quan hệ công chúng*			06 TC	
<i>* Sinh viên chọn 03 học phần (tổng cộng 06 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây</i>				

1	Xây dựng chiến lược quan hệ công chúng	IC.022.02	2	Tiếng Việt
2	Xây dựng thương hiệu	IC.024.02	2	Tiếng Việt
3	Quan hệ công chúng chính phủ	IC.025.02	2	Tiếng Việt
4	Kỹ năng viết diễn thuyết	IC.026.02	2	Tiếng Việt
5	Kỹ năng viết cho Quan hệ công chúng	IC.028.02	2	Tiếng Việt
6	Kỹ năng chủ trì hội nghị	E.039.02	2	Tiếng Việt
7	Kỹ năng thuyết trình* <i>*Sinh viên chọn học bằng 1 trong 3 ngôn ngữ</i>	E.040.02	2	Tiếng Anh/ Pháp/ Trung
8	Tổ chức sự kiện	IC.035.02	2	Tiếng Việt
Ngoại giao văn hóa*			06 TC	
<i>* Sinh viên chọn 03 học phần (tổng cộng 06 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây</i>				
1	Ứng dụng ngoại giao văn hóa	IC.029.02	2	Tiếng Việt
2	Toàn cầu hóa và văn hóa	IC.030.02	2	Tiếng Việt
3	Tôn giáo và quan hệ quốc tế	IC.031.02	2	Tiếng Việt
4	Giao thoa văn hóa	IC.032.02	2	Tiếng Việt
5	Đất nước học* <i>*Sinh viên chọn học bằng 1 trong 3 ngôn ngữ</i>	IC.033.02	2	Tiếng Anh/ Pháp/Trung
6	Kỹ năng ngoại giao số	IC.034.02	2	Tiếng Việt

3. Kiến thức ngoại ngữ *

24 tín chỉ

** Sinh viên học 1 trong 3 ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Tiếng Anh			24 TC	
1	Tiếng Anh cơ sở I	E.006.04	4	Tiếng Anh
2	Tiếng Anh cơ sở II	E.007.04	4	Tiếng Anh
3	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao I	E.018.03	3	Tiếng Anh
4	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao II	E.019.03	3	Tiếng Anh
5	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao III	E.020.03	3	Tiếng Anh
6	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao IV	E.021.03	3	Tiếng Anh
7	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao V	E.022.04	4	Tiếng Anh
Tiếng Pháp			24 TC	
1	Tiếng Pháp cơ sở I	F.001.04	4	Tiếng Pháp

2	Tiếng Pháp cơ sở II	F.002.04	4	Tiếng Pháp
3	Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao I	F.003.03	3	Tiếng Pháp
4	Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao II	F.004.03	3	Tiếng Pháp
5	Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao III	F.005.03	3	Tiếng Pháp
6	Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao IV	F.006.03	3	Tiếng Pháp
7	Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao V	F.007.04	4	Tiếng Pháp
Tiếng Trung Quốc			24 TC	
1	Tiếng Trung cơ sở I	C.001.04	4	Tiếng Trung
2	Tiếng Trung cơ sở II	C.002.04	4	Tiếng Trung
3	Tiếng Trung chuyên ngành ngoại giao I	C.003.03	3	Tiếng Trung
4	Tiếng Trung chuyên ngành ngoại giao II	C.004.03	3	Tiếng Trung
5	Tiếng Trung chuyên ngành ngoại giao III	C.005.03	3	Tiếng Trung
6	Tiếng Trung chuyên ngành ngoại giao IV	C.006.03	3	Tiếng Trung
7	Tiếng Trung chuyên ngành ngoại giao V	C.007.04	4	Tiếng Trung

4. Kiến thức hướng nghiệp

05 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	AAD.039.02	2	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	IC.038.03	3	Tiếng Việt

5. Kiến thức tốt nghiệp

10 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Tốt nghiệp: a/ Viết Khóa luận b/ (hoặc) Bài tập dự án/ sản phẩm truyền thông c/ (hoặc) Học phần Truyền thông quốc tế tổng hợp	IC.037.10	10	Tiếng Việt/ hoặc Tiếng Anh

6. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

Ma trận kỹ năng

TT	Tên Học phần	Mã học phần	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KT	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	NLTC 1	NLTC 2
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	2														3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	2														3
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	2										3				3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	3										3				3
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	3										3				3
6	Tin học	IT.001.02				2									3	3	
7	Pháp luật đại cương	IL.003.02	2										3			3	
8	Giáo dục thể chất	AAD.001.03														4	4
9	Giáo dục quốc phòng	AAD.002.08														4	4
10	Đại cương văn hóa Việt Nam	IC.001.02	2							3		4	4				4
11	Tâm lý học đại cương	FC.008.02	2										3			3	
12	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	2										3				3
13	Đại cương truyền thông đại chúng	IC.002.02		3	3	3	3				3	3	4				4
14	Đại cương quan hệ công chúng	IC.003.02		2	3	3				3	3	3	3				4

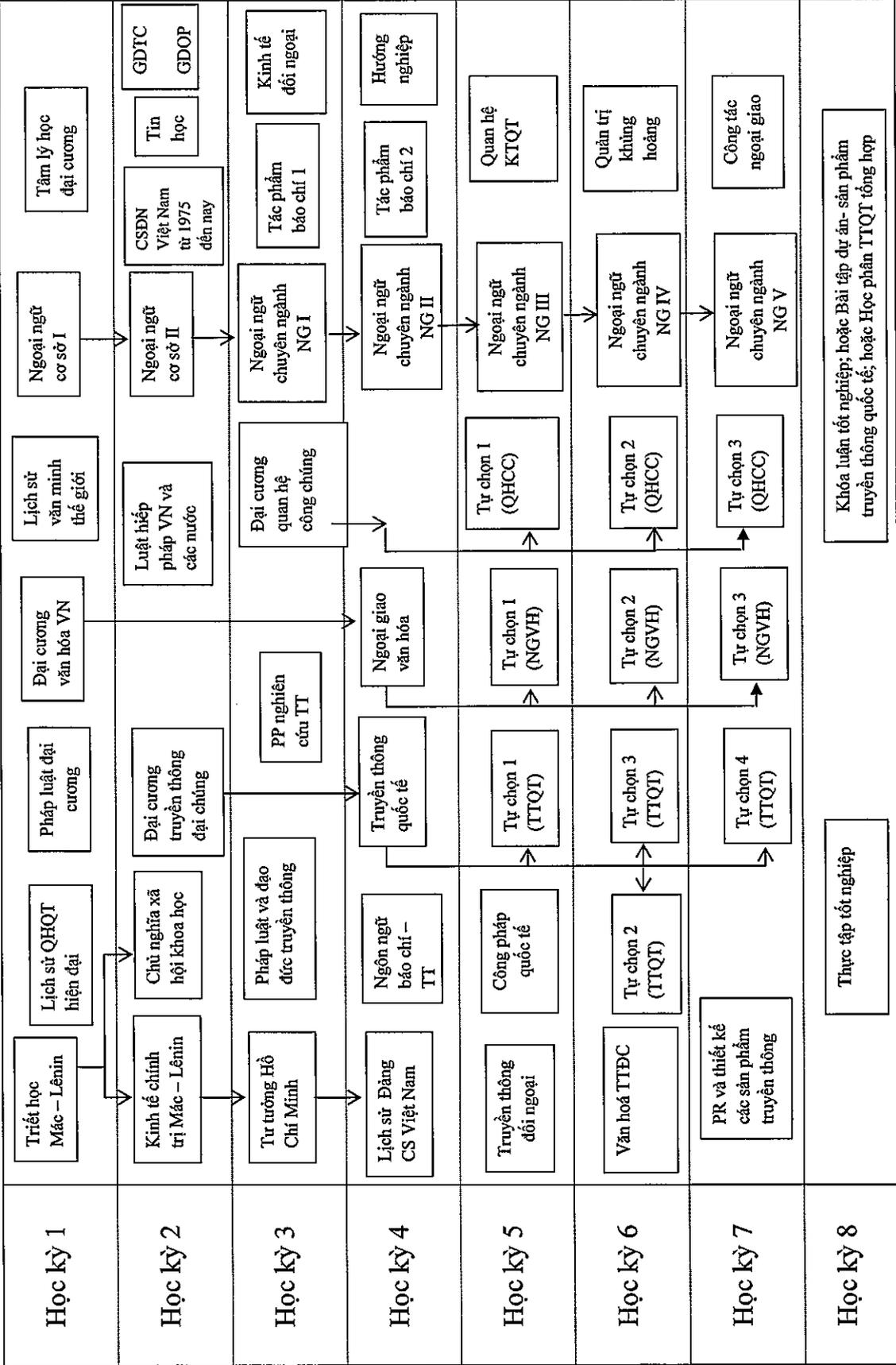
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1		17
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Đại cương văn hóa Việt Nam	2
3	Tâm lý học đại cương	2
4	Pháp luật đại cương	2
5	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	2
6	Ngoại ngữ cơ sở I	4
7	Lịch sử văn minh thế giới	2
HỌC KỲ 2		16
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
3	Đại cương truyền thông đại chúng	2
4	Tin học	2
5	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	2
6	Chính sách đối ngoại của Việt Nam từ 1975 đến nay	2
7	Ngoại ngữ cơ sở II	4
8	<i>Giáo dục thể chất</i>	3
9	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	8
HỌC KỲ 3		15
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Đại cương quan hệ công chúng	2
3	Pháp luật và đạo đức truyền thông	2
4	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	2
5	Tác phẩm báo chí 1	2

6	Kinh tế đối ngoại	2
7	Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao I	3
HỌC KỲ 4		15
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
2	Tác phẩm báo chí 2	2
3	Ngoại giao văn hóa	2
4	Truyền thông quốc tế	2
5	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	2
6	Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao II	3
7	Hướng nghiệp	2
HỌC KỲ 5		15
1	Truyền thông đối ngoại	2
2	Học phần tự chọn 1 (TTQT)	2
3	Học phần tự chọn 1 (NGVH)	2
4	Học phần tự chọn 1 (QHCC)	2
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	2
6	Công pháp quốc tế	2
7	Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao III	3
HỌC KỲ 6		15
1	Văn hoá truyền thông đại chúng	2
2	Quản trị khủng hoảng	2
3	Học phần tự chọn 2 (TTQT)	2
4	Học phần tự chọn 3 (TTQT)	2
5	Học phần tự chọn 2 (QHCC)	2
6	Học phần tự chọn 2 (NGVH)	2
7	Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao IV	3

HỌC KỲ 7		14
1	QHCC và thiết kế các sản phẩm truyền thông	2
2	Công tác ngoại giao	2
3	Học phần tự chọn 4 (TTQT)	2
4	Học phần tự chọn 3 (NGVH)	2
5	Học phần tự chọn 3 (QHCC)	2
6	Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao V	4
HỌC KỲ 8		13
1	Thực tập tốt nghiệp	3
2	Sinh viên lựa chọn 1 trong 3 hình thức*: i. Khoá luận tốt nghiệp ii. Bài tập dự án/sản phẩm truyền thông quốc tế iii. Học phần Truyền thông quốc tế tổng hợp <i>*Tự chọn có điều kiện</i>	10 10 10

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH



V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Triết học Mác - Lênin* giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần *Kinh tế chính trị Mác - Lênin* giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội, củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần *Chủ nghĩa xã hội khoa học* giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho Giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần *Tư tưởng Hồ Chí Minh* giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của

Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng CSVN/Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. TIN HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Tin học* thuộc khối Kiến thức giáo dục đại cương. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng, và các phần mềm được sử dụng trong ngành truyền thông; từ đó sinh viên có thể vận dụng những kỹ năng tin học trong các học phần chuyên ngành của ngành

truyền thông.

Qua học phần, sinh viên có thể sử dụng một cách cơ bản tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, trình bày, và sử dụng các phần mềm chỉnh sửa ảnh, phần mềm dựng và biên tập phim và các phần mềm đồ họa.

7. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Pháp luật đại cương* thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức. Nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp), xây dựng pháp luật, giải thích và áp dụng pháp luật. Nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự...) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác như đạo đức, hay các điều lệ của các tổ chức, đoàn thể; có kiến thức khái quát về toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm vị trí, hiệu lực pháp lý của các bộ phận cấu thành (các nguồn), đối tượng, phạm vi điều chỉnh của các ngành luật thực định và mối quan hệ của hệ thống pháp luật Việt Nam với luật pháp quốc tế.

8. ĐẠI CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đại cương văn hoá Việt Nam* thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần gồm 3 nội dung chính: Các kiến thức về văn hóa học, đối

tượng, phương pháp nghiên cứu, các công cụ định vị văn hóa; ứng dụng Văn hóa học để khắc họa bản sắc Văn hóa Việt Nam trên các phương diện: tinh thần, thực tiễn, quá trình phát triển (diễn trình); tìm hiểu cơ hội và thách thức của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Sau khi học xong học phần, sinh viên nhận diện được rõ ràng về bản sắc văn hóa Việt Nam; lĩnh hội được đường lối chính sách của Đảng và nhà nước ta về văn hóa; có khả năng sử dụng văn hóa Việt Nam trong ngoại giao văn hóa và giao tiếp liên văn hóa; có khả năng đưa tin, tuyên truyền, quảng bá văn hóa Việt Nam; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, liên quan đến các chủ đề văn hóa Việt Nam; hình thành ý thức tự hào dân tộc, trung thành với lợi ích quốc gia.

9. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận - hiện đại với những nội dung: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những đóng góp cho văn minh nhân loại và phân biệt những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh, những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng thuyết trình một vấn đề lịch sử văn minh; có tư duy độc lập trong phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn của mình; biết quý trọng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nhân loại và tiếp nhận một cách có chọn lọc các giá trị đó để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

10. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng của Tâm lý học, bao gồm: hệ thống các khái niệm của Tâm lý học: Tâm lý người, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách. Học phần cũng cung cấp các nội dung về các quy luật và cơ chế của các hiện tượng tâm lý con người: Bản chất của tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý, các quy luật của nhận thức, tình cảm và sự hình thành, phát triển nhân cách.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng sử dụng đúng các khái niệm tâm lý học trong việc nhận diện, giải thích các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; bước đầu hình thành kỹ năng phân tích tâm lý cá nhân, kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý, kỹ năng đề xuất các biện pháp tìm hiểu và tác động đến tâm lý cá nhân; có thái độ khách quan, khoa học trong việc nhìn nhận và đánh giá con người. Có ý thức vận dụng các kiến thức tâm lý học vào công việc nghề nghiệp của bản thân và trong quan hệ ứng xử với người khác.

11. ĐẠI CƯƠNG TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đại cương truyền thông đại chúng* là học phần bắt buộc thuộc Kiến thức cơ sở ngành. Học phần giới thiệu các kiến thức chung về truyền thông đại chúng: các khái niệm, mô hình truyền thông, đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông đại chúng, lịch sử phát triển của truyền thông đại chúng, một số lý thuyết truyền thông đại chúng và truyền thông đại chúng tại Việt Nam.

Qua học phần, sinh viên nhận diện rõ ràng về hoạt động truyền thông đại chúng, phân biệt được sự khác biệt giữa truyền thông đại chúng với các cấp độ truyền thông khác, từ đó có nhận thức đúng đắn về vai trò, tác động của truyền thông đại chúng tới cá nhân và xã hội. Từ đó hình thành cho sinh viên thái độ, ứng xử và sử dụng truyền thông đại chúng một cách chuẩn mực. Nội dung học về lý thuyết truyền thông cũng giúp sinh viên lý giải được các hiện tượng đang diễn ra trong môi trường truyền thông, và vận dụng lý thuyết để phân tích các vấn đề truyền thông đã, đang diễn ra.

12. ĐẠI CƯƠNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đại cương quan hệ công chúng* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần gồm hai phần chính: giới thiệu tổng quan về quan hệ công chúng, quan hệ công chúng quốc tế và quan hệ công chúng quốc tế ứng dụng.

Qua học phần, sinh viên nắm vững cơ bản các kiến thức về quan hệ công chúng, quan hệ công chúng quốc tế và hình thành những hiểu biết nền tảng về những hoạt động ứng dụng trong lĩnh vực quan hệ công chúng. Có thể áp dụng những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng để hoạt động trong thực tế, có khả năng vận dụng kiến thức để PR, đưa tin, tổ chức sự kiện, quảng bá và tuyên truyền đối ngoại; có kỹ năng xây dựng chiến lược PR và xử lý khủng hoảng cơ bản; có kỹ năng giao tiếp cơ bản trong PR; khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch, giao tiếp, thuyết trình trong lĩnh vực PR; có ý thức trách nhiệm cao và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực PR.

13. VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Học phần *Văn hóa truyền thông đại chúng* là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này giới thiệu cơ bản về văn hóa truyền thông đại chúng, tập trung vào việc sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm truyền thông trong các bối cảnh văn hóa nhất định. Học phần cũng tập trung vào chức năng xã hội và giá trị của văn hóa đại chúng qua các giai đoạn phát triển khác nhau.

Qua học phần, sinh viên có thể hiểu và phân tích lý thuyết về truyền thông đại chúng và các lý thuyết về văn hoá đương đại; áp dụng các lý thuyết đã học để phân tích các văn bản truyền thông; sử dụng các kiến thức nghiên cứu phù hợp để phân tích văn hoá đại chúng; và phát triển kiến thức và kỹ năng để tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm truyền thông.

14. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Phương pháp nghiên cứu truyền thông* là học phần bắt buộc thuộc Kiến thức cơ sở ngành. Học phần giới thiệu những thông tin cơ bản về phương pháp nghiên cứu một đề tài, một dự án truyền thông. Học phần giới thiệu những phương pháp nghiên cứu truyền thông cơ bản, giúp sinh viên hiểu biết về quy trình nghiên cứu truyền thông nói chung, các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu cụ thể được áp dụng trong thực tế. Kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng nghiên cứu độc lập một đề tài, dự án.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và hình thành những hiểu biết nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông; nắm vững các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông: Phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng, phương pháp quan sát, phỏng vấn, điều tra bảng hỏi, phân tích thông điệp, phân tích thể chế/ tổ chức...; có khả năng phân tích, lên kế hoạch, các bước tiến hành thực hiện một dự án nghiên cứu truyền thông; nghiên cứu tình huống và kỹ năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm; có nhận thức đúng đắn về nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông - báo chí chuyên nghiệp.

15. PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Pháp luật và đạo đức truyền thông* là học phần bắt buộc thuộc Kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức, kỹ năng, năng lực tư duy, pháp lý trong các hoạt động báo chí – truyền thông.

Qua học phần, sinh viên hiểu và nắm vững các quy định về pháp luật, có hành vi đúng đắn chuẩn mực với những quy ước đạo đức phù hợp của người

hoạt động truyền thông, hiểu biết các quy định về đạo đức, ý thức về pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Sinh viên sẽ có những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật báo chí truyền thông, các khái niệm, lịch sử vấn đề; khái niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp nhà báo; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp nhà báo; các quy ước đạo đức nghề nghiệp của báo chí; vấn đề tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo để người học hiểu biết thêm, tham khảo và vận dụng trong điều kiện báo chí Việt Nam đổi mới và hội nhập.

16. NGÔN NGỮ BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông* là học phần bắt buộc thuộc Kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp các khái niệm rất cơ bản về ngôn ngữ nói chung; khả năng nhận biết và phân tích các loại hình văn bản khác nhau; các kiến thức về quy trình từ sự kiện báo chí đến hành ngôn (ngôn ngữ) báo chí; các nguyên tắc chi phối hành ngôn báo chí; các đặc điểm của ngôn ngữ báo chí; các phương pháp nghiên cứu hành ngôn báo chí.

Sau khi học học phần này, sinh viên tích lũy kiến thức cơ bản về hành ngôn báo chí, giúp sinh viên hiểu sâu sắc bản chất của hành ngôn của các phương tiện truyền thông - báo chí, để ứng dụng trong nghề viết báo và cho truyền thông nói chung, hoặc phân tích thông điệp báo chí - truyền thông đại chúng như nguồn tư liệu nghiên cứu phục vụ cho các công việc trong lĩnh vực PR và Ngoại giao văn hóa.

17. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến

II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn.

Qua học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay và có kiến thức chuyên sâu về các mối quan hệ giữa các nước lớn; có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay; có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể; có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế.

18. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM (từ 1975 đến nay)

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Học phần giúp làm sáng tỏ các nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến quá trình đổi mới tư duy đối ngoại qua các giai đoạn cụ thể, cũng như mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm và định hướng đối ngoại của Việt Nam. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tìm hiểu nội dung chủ đề lớn của chính sách đối ngoại Việt Nam như hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập quốc tế và nâng tầm đối ngoại đa phương.

Qua học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về chính sách đối ngoại Việt Nam từ năm 1975 đến nay và có kiến thức chuyên sâu về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, và các thành tố của chính sách đối ngoại Việt

Nam như mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm và định hướng đối ngoại; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới chính sách đối ngoại, và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

19. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Công tác ngoại giao* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản nhất của kiến thức đại cương về công tác ngoại giao, hiểu khái niệm về ngoại giao, phân loại ngoại giao theo các tiêu chí, lịch sử phát triển của nền ngoại giao nói chung và ngoại giao Việt Nam nói riêng, nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam hiện nay.

Thông qua hệ thống bài tập và bài thực hành mang tính thực tiễn cao, rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng trong giao tiếp, tiếp xúc đối ngoại... Đồng thời, giúp sinh viên nắm vững một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác soạn thảo văn bản ngoại giao, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu về công tác đối ngoại tại các các cơ quan đối ngoại trong nước và ở nước ngoài.

20. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Quan hệ kinh tế quốc tế* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phân tích và đánh giá đúng bản chất tính tất yếu khách quan của các quan hệ kinh tế quốc tế; các nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần cũng giúp sinh viên áp dụng trong thực tế các phương pháp định tính và định lượng để phân tích các sự kiện về kinh tế quốc tế; rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

21. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Kinh tế đối ngoại Việt Nam* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chung về kinh tế đối ngoại như: cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm cơ bản phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta và thành tựu về phát triển kinh tế đối ngoại; một

số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại nước ta hiện nay; các lĩnh vực chủ yếu của kinh tế đối ngoại: ngoại thương, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), du lịch quốc tế, xuất khẩu lao động và chuyên gia; vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập; sự tham gia của Việt Nam trong một số tổ chức Kinh tế Quốc tế; quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại từ đó nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước từ góc độ hội nhập. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

22. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Luật hiến pháp Việt Nam và các nước* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ và Hiến pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ

quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam.

23. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Pháp luật đại cương**

Học phần *Công pháp quốc tế* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức bổ trợ. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền quốc tế, dân cư, quốc tịch, và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của Công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng.

24. TRUYỀN THÔNG ĐỐI NGOẠI

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông đối ngoại* là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về chính sách và thực tiễn triển khai chính sách truyền thông đối ngoại Việt Nam. Học phần gồm các nội dung: Các khái niệm, lý thuyết về truyền thông đối ngoại, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về thông tin đối ngoại, và thực tiễn truyền thông đối ngoại Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động truyền thông đối ngoại chuyên nghiệp.

Qua học phần, sinh viên nắm vững quan điểm của Việt Nam về truyền thông đối ngoại, có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng về các hoạt động truyền thông đối ngoại nói chung, và trong hoạt động ngoại giao nói riêng; có khả năng áp dụng kiến thức để thiết kế các đề án Truyền thông đối ngoại như xây dựng Kế hoạch kỷ niệm một số ngày Lễ Việt Nam ở phòng ban chức năng cơ quan trong

nước, của sứ quán Việt Nam. Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng viết bài phát biểu, trả lời phỏng vấn báo chí trong hoạt động ngoại giao, và hoạt động chuyên nghiệp khác; có năng lực trách nhiệm, sáng tạo, trung thực, nhạy cảm chính trị và chuyên nghiệp trong tác nghiệp về Truyền thông đối ngoại.

25. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông quốc tế* là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của TTQT tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: Khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập thể đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau học phần, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

26. NGOẠI GIAO VĂN HÓA

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Học phần *Ngoại giao văn hoá* là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần Ngoại giao Văn hoá cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về: các nội dung cơ bản của ngoại giao văn hóa; cơ sở thực tiễn của ngoại giao văn hóa; cơ sở lý luận của ngoại giao văn hóa; các công cụ của ngoại giao văn hóa (chủ yếu là công cụ truyền thông đại chúng và công cụ văn hóa đại chúng); và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về ngoại giao văn hóa.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ khái niệm ngoại giao văn hóa; phân biệt ngoại giao văn hóa với ngoại giao công chúng; nhận biết về sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng văn hóa như sức mạnh mềm; hiểu được lịch sử của ngoại giao văn hóa; phân tích, so sánh, đối chiếu các học thuyết về ngoại giao văn hóa; áp dụng cơ chế chuyển hóa thông tin và cơ chế chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh vào thực tiễn; hiểu được quan điểm, mục tiêu, chủ thể, công cụ của ngoại giao văn hóa Việt Nam; áp dụng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao, kỹ năng quảng bá và tuyên truyền văn hóa đối ngoại, kỹ năng sử dụng văn hóa cho mục tiêu ngoại giao vào thực tiễn và hình thành ý thức tự hào về ngoại giao văn hóa Việt Nam, lòng trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc trong lĩnh vực văn hóa đối ngoại.

27. TÁC PHẨM BÁO CHÍ I

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Tác phẩm Báo chí I* là học phần bắt buộc thuộc Khối Kiến thức chuyên ngành. Đây là học phần 1 của học phần gồm 3 học phần (Tác phẩm báo chí 1, Tác phẩm báo chí 2 và Tác phẩm báo chí 3), trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết thể loại báo chí. Trên cơ sở đó người học sẽ thực hành các tác phẩm báo chí theo từng thể loại, loại hình được học.

Ở học phần Tác phẩm báo chí I, sẽ cung cấp các kiến thức chung về kỹ

năng viết báo, gồm: lý thuyết chung về thể loại báo chí, cách thức xây dựng một tác phẩm báo chí thuộc các thể loại tin, bài phản ánh, bài phỏng vấn, bài bình luận; cách phát hiện, khai thác đề tài trong xây dựng tác phẩm, cách thực hiện phỏng vấn với các đối tượng khác nhau, và một số kỹ năng chuyên nghiệp trong nghề báo, đặc biệt chú trọng vào kỹ năng viết - kỹ năng nền tảng trong hoạt động nghề nghiệp truyền thông.

Kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức chung về lý thuyết báo chí, biết vận dụng được lý thuyết để triển khai ý tưởng để xây dựng được các tác phẩm báo viết hoàn chỉnh (bao gồm viết tin bài, phỏng vấn, viết bình luận). Từ đó sinh viên có thể kết hợp các thể loại đã học để sáng tạo nên tác phẩm báo chí theo phong cách riêng của mình. Sinh viên cũng có nhận thức đúng đắn về vai trò và sức ảnh hưởng của thông điệp báo chí, hình thành thái độ đúng đắn, có trách nhiệm với công việc, và say mê trong tác nghiệp báo chí.

28. TÁC PHẨM BÁO CHÍ II

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tác phẩm báo chí I**

Học phần *Tác phẩm Báo chí II* là học phần tự chọn trong khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần này là phần 2 trong loạt 3 học phần trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành về các thể loại báo chí. Ở học phần 2 này, sinh viên sẽ học các kỹ năng phát hiện đề tài, triển khai khai thác vấn đề để sáng tạo các tác phẩm phát thanh và truyền hình.

Qua học phần này, sinh viên nắm được những đặc trưng cơ bản của tác phẩm báo chí phát thanh và truyền hình về mặt hình ảnh và âm thanh; nhận thức được vai trò và vận dụng ngôn ngữ âm thanh và hình ảnh trong quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí phát thanh, truyền hình; nắm vững quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí phát thanh, truyền hình; có khả năng thực hiện một tác phẩm phát thanh, viết kịch bản và làm được một tin phát thanh và xây dựng một bản tin phát thanh; có khả năng thực hiện một tác phẩm truyền hình, viết kịch bản và làm được một tin truyền hình từ 30-45 giây.

29. QUẢN TRỊ KHỦNG HOẢNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Quản trị khủng hoảng* là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức ngành. Học phần trang bị kiến thức nền tảng cho sinh viên truyền thông về quản trị khủng hoảng trong quan hệ công chúng và trang bị kiến thức sâu về cách thức xử lý khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng thông qua phân tích các trường hợp khủng hoảng điển hình tại Việt Nam và trên thế giới. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức để đề xuất cách thức xử lý khủng hoảng và hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực này.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về quản lý khủng hoảng trong quan hệ công chúng; nắm vững các nguyên tắc và cách thức truyền thông trong xử lý khủng hoảng; có kỹ năng xây dựng chiến lược và chiến thuật xử lý khủng hoảng khi liên hệ thực tiễn; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm khi xử lý khủng hoảng trên thực tiễn; có tính trung thực và trách nhiệm khi xử lý khủng hoảng trong quan hệ công chúng.

30. QUAN HỆ CÔNG CHỨNG VÀ THIẾT KẾ CÁC SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Quan hệ công chúng & thiết kế sản phẩm truyền thông* là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần chú trọng việc xây dựng kỹ năng thực hành sản xuất các sản phẩm truyền thông, ứng dụng cho quan hệ công chúng, truyền thông đại chúng, cụ thể là các sản phẩm truyền thông, quảng cáo động.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về các sản phẩm truyền thông hiện đại; nắm vững các phương pháp cơ bản trong phân tích các sản phẩm truyền thông ứng dụng rộng rãi cho nhiều lĩnh vực. Hình thành một số ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông, PR, quảng cáo; nghiên cứu tình huống,

phân tích, hoạch định kế hoạch truyền thông thực tiễn từ chiến lược PR chung; hình thành kỹ năng tổ chức sản xuất, thực hiện tác phẩm, thiết kế sáng tạo tác phẩm truyền thông hiện đại.

31. TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Tổ chức sự kiện* là học phần tự chọn, thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp hệ thống các khái niệm, lý thuyết về tổ chức sự kiện trong môi trường truyền thông - quan hệ công chúng hiện đại. Học phần cũng chú trọng tới việc giới thiệu quy trình tổ chức sự kiện nói chung cũng như quy trình tổ chức các loại hình sự kiện riêng biệt. Kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng thực hiện một dự án - đề xuất tổ chức sự kiện bao gồm: ý tưởng thực hiện, thiết kế sân khấu, kịch bản chương trình, kế hoạch truyền thông... có tính ứng dụng cao.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về các loại hình sự kiện truyền thông - quan hệ công chúng hiện đại; nắm vững các phương pháp cơ bản trong việc phân tích các yếu tố cấu thành và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến các sự kiện. Hình thành một số ý tưởng sáng tạo trong việc đề xuất tổ chức các sự kiện trong môi trường hiện đại; xây dựng các phương án trong quy trình quản trị sự kiện và các thước đo định tính về kết quả, mục tiêu của các sự kiện.

32. ỨNG DỤNG TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Truyền thông quốc tế**

Học phần *Ứng dụng truyền thông quốc tế* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về truyền thông đại chúng của các quốc gia, mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng với các thiết chế xã hội của quốc gia đó.

Thông qua phân tích một số mô hình báo chí - truyền thông của các quốc gia, sinh viên rút ra những nhận thức có tính hệ thống về các hệ thống truyền

thông trên thế giới; sinh viên có thể áp dụng mô hình phân tích để độc lập nghiên cứu về truyền thông của các quốc gia trên thế giới.

33. CÔNG CHỨC CỦA TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Công chức của truyền thông* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần giới thiệu những thông tin cơ bản về công chức, công chức truyền thông, ứng xử của công chức đối với truyền thông và tiếp nhận các sản phẩm truyền thông; tầm quan trọng của việc xác định và nghiên cứu các nhóm công chức trong truyền thông.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về công chức, công chức truyền thông, thói quen, hoạt động tiếp nhận các sản phẩm truyền thông của công chức; nắm vững các phương pháp cơ bản áp dụng trong nghiên cứu công chức truyền thông: Phương pháp quan sát, phỏng vấn, điều tra bảng hỏi, phân tích thông điệp, và hình thành những hiểu biết nền tảng về vai trò của công chức trong quá trình truyền thông; tầm quan trọng cách thức phương pháp nghiên cứu công chức trong lĩnh vực truyền thông; kỹ năng thiết kế một nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu và sử dụng các kết quả nghiên cứu công chức để lập kế hoạch truyền thông hiệu quả, phù hợp với các nhóm công chức cụ thể; kỹ năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phản biện, và kỹ năng phân tích.

34. TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Truyền thông và phát triển xã hội* là học phần tự chọn thuộc Kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về Truyền thông và phát triển xã hội; các yếu tố và mô hình phát triển xã hội trên quy mô toàn cầu, quy mô khu vực, và liên hệ với tình hình phát triển quy mô quốc gia.

Qua học phần, sinh viên nắm được các lý thuyết truyền thông và phát triển xã hội liên quan; nhận thức sâu sắc ảnh hưởng của truyền thông đối với xã hội và nhìn nhận truyền thông trong mối tương quan với các mục tiêu phát triển; kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông; kỹ năng truyền thông nhóm/ truyền thông đại chúng nhằm thay đổi thái độ, hành vi công chúng và kỹ năng phân biện về vai trò của truyền thông đối với chính sách; nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò của truyền thông đối với sự phát triển của xã hội, và thay đổi hành vi của con người - công chúng.

35. TRUYỀN THÔNG, CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông, chính trị và xã hội* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần gồm: lý luận về mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, các tổ chức truyền thông và xã hội; các cuộc tranh luận về ảnh hưởng của truyền thông lên xã hội; quy chế hoạt động và sự kiểm soát của các tổ chức truyền thông, cách thức truyền thông ảnh hưởng đến các hoạt động chính trị và tiến trình dân chủ; bản chất của việc sản xuất tin tức và khoa học công nghệ về truyền thông đã ảnh hưởng đến sự thay đổi của xã hội. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động truyền thông trong lĩnh vực chính.

Qua học phần, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về ảnh hưởng của truyền thông; mối quan hệ giữa truyền thông, chính trị và xã hội. Nắm vững cách phân tích các trường hợp các tổ chức truyền thông ảnh hưởng đến xã hội về các vấn đề chính trị; có kỹ năng phân tích và lên kế hoạch truyền thông gây ảnh hưởng trong chính trị và xã hội; có năng lực phục vụ nhân dân, thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu; có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể, trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

36. TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông đa phương tiện* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần giới thiệu những thông tin cơ bản về các loại hình phương tiện truyền thông đa phương tiện. Học phần giới thiệu mô hình hội tụ truyền thông, giúp sinh viên hiểu biết về quy trình sáng tạo một tác phẩm báo chí truyền thông đa phương tiện trong thực tế. Kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng thực hiện một bài báo, một tác phẩm ứng dụng tính đa phương tiện trong truyền thông hiện đại.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về các loại hình phương tiện truyền thông và hình thành những hiểu biết nền tảng về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện; nắm vững các phương pháp cơ bản trong phân tích các tác phẩm truyền thông đa phương tiện: về nội dung, về thể hiện. Có khả năng phân tích, lên kế hoạch, các bước tiến hành thực hiện một tác phẩm báo chí - truyền thông đa phương tiện; có nhận thức đúng đắn về ứng dụng đa phương tiện trong lĩnh vực truyền thông - báo chí chuyên nghiệp, có khả năng ứng dụng, sáng tạo tác phẩm báo chí - truyền thông đa phương tiện.

37. TRUYỀN THÔNG MẠNG XÃ HỘI

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông mạng xã hội* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức để định vị quá trình hình thành, phát triển và ứng dụng của truyền thông mạng xã hội theo tiến trình thời gian. Tiếp cận vấn đề theo hướng học thuật và liên văn hoá, học phần giải thích chi tiết về những khái niệm chủ chốt về truyền thông mạng xã hội, cùng với đó, phân tích những ví dụ cụ thể nhằm giúp sinh viên hiểu và có tư duy phản biện về truyền thông mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông và văn hoá không ngừng thay đổi.

Qua học phần, sinh viên nắm được các lý thuyết về truyền thông mạng xã

hội và hiểu biết các trang mạng xã hội, phân tích ảnh hưởng của truyền thông mạng xã hội tới các sản phẩm văn hoá, đánh giá vai trò của truyền thông xã hội trong quan hệ công chúng, kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho mục đích truyền thông, quan hệ công chúng, bao gồm: tạo nội dung, chạy chiến dịch truyền thông, quảng bá đến công chúng mục tiêu; nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò của truyền thông xã hội đối với cá nhân, tổ chức, đồng thời hình thành ý thức về đạo đức sử dụng mạng xã hội.

38. TRUYỀN THÔNG VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương truyền thông đại chúng**

Học phần *Truyền thông và quan hệ quốc tế* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần bao gồm các cụm chuyên đề truyền thông, quan hệ quốc tế, các lý thuyết liên ngành giữa truyền thông và quan hệ quốc tế. Trong quá trình học, sinh viên thực hành phân tích các sự kiện trên truyền thông quốc tế có ảnh hưởng tới quan hệ quốc tế ở các cấp độ toàn cầu, quốc gia, cá nhân, thể hiện trên các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa.

Học phần giúp sinh viên nhận thức được mối quan hệ giữa truyền thông và quan hệ quốc tế. Sinh viên phân tích mối tương tác giữa truyền thông quốc tế và quan hệ quốc tế, từ đó rút ra mô hình tương tác của mối quan hệ này, nắm được vai trò quyền lực của truyền thông trong mối tương quan với quan hệ quốc tế. Sinh viên có thể độc lập nghiên cứu về truyền thông và quan hệ quốc tế từ góc độ tiếp cận liên ngành, viết các bài bình luận, phân tích về quan hệ quốc tế để đăng tải trên báo chí, hoặc làm các nghiên cứu chuyên sâu hơn.

39. TÁC PHẨM BÁO CHÍ III

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Tác phẩm báo chí I và II**

Học phần *Tác phẩm báo chí III* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành, sau khi sinh viên đã học các học phần Tác phẩm báo chí I và II.

Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu kỹ năng báo chí, trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao trong nghiệp vụ như nghệ thuật phỏng vấn các chính khách, nhà ngoại giao, cách thức khai thác thông tin chuyên sâu về chính trị, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại Việt Nam; lập kế hoạch, viết kịch bản chi tiết cho tác phẩm báo chí. Người học cũng sẽ được rèn luyện thêm về nghệ thuật thể hiện tác phẩm báo chí tích hợp cả báo viết, báo nói và báo hình hướng tới đối tượng đặc thù là công chúng quốc tế.

Sau khóa học, sinh viên có khả năng làm việc nhóm để sáng tạo nên một tác phẩm hoàn thiện dưới dạng phát thanh, truyền hình, báo mạng hoặc tích hợp các thể loại, dành để phục vụ công chúng truyền thông quốc tế. Ngôn ngữ thể hiện của tác phẩm báo chí là tiếng Việt, nhưng khuyến khích sinh viên thể hiện thêm phụ đề tiếng Anh/ Pháp hoặc Trung tùy theo ngôn ngữ sinh viên được học.

40. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Xây dựng chiến lược quan hệ công chúng* là học phần tự chọn, thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm hai nội dung chính: kiến thức tổng quan về xây dựng chiến lược PR và cách thức hoạch định chiến lược PR cụ thể. Kết thúc khoá học, sinh viên có thể hoạch định, xây dựng đề án chiến lược PR và áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp PR.

Qua học phần, sinh viên nắm vững cơ bản các kiến thức về xây dựng chiến lược quan hệ công chúng, nắm vững kiến thức về cách thức viết đề án quan hệ công chúng; có kỹ năng xây dựng chiến lược PR và quản lý khủng hoảng khi thực hiện chiến lược PR; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch, giao tiếp, thuyết trình đề án chiến lược PR trên thực tiễn; có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm khi xây dựng và thực hiện đề án chiến lược PR.

41. XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Xây dựng thương hiệu* là học phần tự chọn, thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 2 nội dung chính: lý luận về xây dựng thương hiệu quốc gia (ở tất cả các cấp độ từ thấp đến cao bao gồm: thương hiệu cá nhân, thương hiệu tổ chức, thương hiệu địa phương, danh tiếng quốc gia) và ứng dụng xây dựng và truyền thông danh tiếng quốc gia trong hội nhập quốc tế. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây dựng thương hiệu ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế.

Qua học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức về xây dựng thương hiệu nói chung. Và sau đó sử dụng các kiến thức lý thuyết về xây dựng thương hiệu để xây dựng thương hiệu cá nhân, thương hiệu tổ chức, thương hiệu địa phương và xây dựng danh tiếng quốc gia. Học phần nhấn mạnh cách thức xây dựng và truyền thông danh tiếng quốc gia, có kỹ năng xây dựng và truyền thông danh tiếng quốc gia khi hội nhập quốc tế; có khả năng sáng tạo các chiến lược truyền thông danh tiếng quốc gia để hội nhập và cạnh tranh quốc tế; có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể, trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc, trách nhiệm với cộng đồng khi xây dựng thương hiệu quốc gia.

42. QUAN HỆ CÔNG CHÚNG CHÍNH PHỦ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Quan hệ công chúng Chính phủ* là học phần tự chọn, thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 2 nội dung chính: PR chính phủ lý luận và ứng dụng PR chính phủ thông qua phân tích các trường hợp PR chính phủ điển hình ở các nước trên thế giới và Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực PR chính phủ.

Qua học phần, sinh viên: nắm vững các kiến thức về PR chính phủ, nắm vững xây dựng chiến lược PR chính phủ; có kỹ năng xây dựng và thực hiện chiến lược PR chính phủ trên thực tiễn; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm khi hoạt động PR chính phủ trên thực tiễn; có tính trung thực và trách nhiệm khi hoạt động nghề nghiệp PR chính phủ; có năng lực chuyên môn, điều

phối và phát huy trí tuệ tập thể, trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc, trách nhiệm với công đồng khi hoạt động trong lĩnh vực PR chính phủ.

43. KỸ NĂNG VIẾT DIỄN THUYẾT

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Kỹ năng viết diễn thuyết* là học phần tự chọn, thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc căn bản của nghệ thuật diễn thuyết. Học phần phân tích ba nguyên tắc vàng trong diễn thuyết và phương pháp để tạo ra một nội dung hấp dẫn và đáng nhớ. Học phần cũng tập trung vào kỹ năng viết và biên tập của sinh viên thông qua các bài tập về cách thu hút khán giả và tạo ra các trích dẫn.

Qua học phần, sinh viên có khả năng định hình các yếu tố tạo nên một bài diễn thuyết hay và 3 nguyên tắc vàng trong diễn thuyết; áp dụng các nguyên tắc viết hiệu quả; kiểm soát được sự chú ý của khán giả trong suốt buổi diễn thuyết; truyền tải nội dung qua các phương tiện truyền thông và các phương tiện truyền thông xã hội.

44. KỸ NĂNG VIẾT CHO TRUYỀN THÔNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Kỹ năng viết cho truyền thông* là học phần tự chọn, thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng viết cơ bản, từ kỹ năng viết cho báo chí, viết cho mạng xã hội và viết cho PR. Sinh viên được giới thiệu cụ thể các bước của quá trình viết cho mỗi thể loại, bao gồm cách viết, cách biên tập để phù hợp với từng thể loại và từng nhóm đối tượng độc giả.

Qua học phần, sinh viên sẽ hiểu và so sánh các đặc trưng, sự khác nhau về cách viết cho báo chí, viết cho mạng xã hội và viết cho quan hệ công chúng. Từ đó, có kỹ năng viết phù hợp với mỗi loại hình và từng nhóm đối tượng.

45. KỸ NĂNG VIẾT CHO QUAN HỆ CÔNG CHỨNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương quan hệ công chúng**

Học phần *Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng* là học phần tự chọn, thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 2 nội dung: lý thuyết về các kỹ năng viết cơ bản trong PR và thực hành các kỹ năng viết cho PR. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động viết chuyên nghiệp trong lĩnh vực PR.

Qua học phần, sinh viên: Nắm vững sự khác biệt giữa các loại bài viết trong PR, nắm vững cấu trúc của các bài viết trong PR và các hình thức viết chuẩn; Nắm vững cách viết, thiết kế thông điệp, nội dung phù hợp với mục tiêu của từng bài viết và loại hình PR, có kỹ năng xây dựng bài viết, xây dựng đề án trong PR; có kỹ năng sáng tạo style viết riêng của cá nhân; có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp, trong lĩnh vực viết và sáng tạo PR, có khả năng thích nghi cao với môi trường làm việc toàn cầu với vai trò của một nhà PR chuyên nghiệp.

46. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Kỹ năng thuyết trình* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này bao gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về quy trình thực hiện một bài trình bày (thuyết trình) trước một nhóm khán giả/người nghe. Kiến thức và nội dung bao gồm như tìm và tổng hợp thông tin, phác thảo đề cương (chuẩn bị trước khi thuyết trình), cấu trúc một bài thuyết trình (giới thiệu/ phần mở đầu bài thuyết trình, nội dung chính bài thuyết trình, xử lý kết thúc một bài thuyết trình), sử dụng giáo cụ trực quan (ảnh, video). Sau học phần này, người học sẽ có thể thực hiện một bài thuyết trình rõ ràng và mạch lạc trước khán giả.

47. ỨNG DỤNG NGOẠI GIAO VĂN HÓA

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương ngoại giao văn hóa**

Học phần *Ứng dụng ngoại giao văn hóa* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử ngoại giao văn hóa, nội dung chính sách và thực tiễn triển khai chính sách ngoại giao văn hóa của một số nước trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản hay các nước ASEAN, từ đó rút ra kinh nghiệm tham khảo cho việc đề ra chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách ngoại giao văn hóa ở Việt Nam.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích các trường hợp nghiên cứu ngoại giao của các nước, vận dụng một cách sáng tạo và hiệu quả chính sách và thực tiễn triển khai chính sách của các nước trên thế giới vào thực tiễn ngoại giao văn hóa ở Việt Nam, hình thành và phát triển kỹ năng phân tích chính sách ngoại giao văn hóa của các nước, được trang bị kỹ năng phân tích sự kiện ngoại giao văn hóa của các nước, hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc thành công trong công tác làm ngoại giao văn hóa của các nước trên thế giới và áp dụng sáng tạo vào trường hợp ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

48. TOÀN CẦU HÓA VÀ VĂN HÓA

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Đại cương văn hoá Việt Nam**

Học phần *Toàn cầu hóa và văn hóa* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức về các khái niệm cơ bản và đặc trưng của toàn cầu hóa văn hóa, tác động của toàn cầu hóa đối với văn hóa, các xu thế văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách ứng xử của các nền văn hóa đối với làn sóng toàn cầu hóa và một số đặc trưng của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích các đặc trưng cơ bản của toàn cầu hóa, tác động của toàn cầu hóa đối với văn hóa; đối chiếu, so sánh các xu thế văn hóa và các cách ứng xử của các nền văn hóa đối với làn sóng toàn cầu hóa, liên hệ tới cách ứng xử của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, được trang bị kỹ năng phân tích các sự kiện văn hóa quốc tế dưới

góc độ toàn cầu hóa, được trang bị kỹ năng phê bình, đánh giá, thanh minh và tranh luận với các hiện tượng văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, hình thành một thái độ tích cực với hiện tượng toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt là sự thay đổi của văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

49. TÔN GIÁO VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Tôn giáo và quan hệ quốc tế* là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Học phần là học phần chuyên sâu, thuộc nhóm các học phần của chuyên ngành Ngoại giao văn hóa. Nội dung học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: Giới thiệu nội dung cơ bản của những tôn giáo lớn (Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo, Ki Tô giáo và Hồi giáo), và phân tích ảnh hưởng của những tôn giáo này đối với đời sống chính trị quốc tế đương đại.

Qua học phần, sinh viên nắm vững được kiến thức nền tảng về tôn giáo và quan hệ quốc tế giữa các tôn giáo; nhận diện được rõ ràng về các hình thái tôn giáo lớn trên thế giới và những xung đột tôn giáo trong đời sống chính trị quốc tế hiện nay; phân biệt được sự khác nhau về hệ giá trị định hướng hành vi của các tôn giáo; nhận thức đúng về vai trò của các tôn giáo trong quan hệ quốc tế; vận dụng được kiến thức truyền thông để phân tích các xung đột tôn giáo; rèn luyện kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao văn hóa; có kỹ năng tổng hợp, phân tích tin tức quốc tế liên quan đến văn hóa, tôn giáo, sắc tộc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch, thuyết trình liên quan đến các vấn đề tôn giáo/ sắc tộc trên trường quốc tế; hình thành khả năng thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu.

50. GIAO THOA VĂN HÓA

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Giao thoa văn hóa* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách tiếp cận các

nền văn hoá khác nhau, có nhận thức về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay, nắm vững những yếu tố cơ bản trong giao tiếp giữa các cá nhân và nắm rõ văn hoá giao tiếp. Đồng thời, học phần nhấn mạnh ảnh hưởng của văn hoá đến cách thức giao tiếp trong đời sống hiện nay để từ đó sinh viên có cái nhìn toàn diện về giao tiếp liên văn hoá và tiến hành giao tiếp hiệu quả hơn trong đời sống và công việc. Cách tiếp cận này đặt trên nền tảng của tâm lý học và các lĩnh vực có liên quan, đặc biệt là lĩnh vực truyền thông.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích bối cảnh giao tiếp, các nhân tố cơ bản tham gia vào quá trình giao tiếp, tác động của nhân tố văn hóa đối với quá trình giao tiếp, từ đó vận dụng các nội dung đã học để giao tiếp hiệu quả hơn trong đời sống và công việc, đặc biệt là trong bối cảnh truyền thông quốc tế, được trang bị kỹ năng đối chiếu, so sánh chỉ ra sự khác biệt giữa các nền văn hóa trong giao tiếp, được trang bị kỹ năng tranh luận, lập luận, thanh minh để bảo vệ bản sắc văn hóa trong quá trình giao tiếp, hình thành niềm yêu thích và ứng dụng hiệu quả yếu tố văn hoá trong giao tiếp và truyền thông và có ý thức, trách nhiệm đối với các hành vi cư xử không đúng mực và không phù hợp đối với công việc ngoại giao nói chung và truyền thông nói riêng.

51. ĐẤT NƯỚC HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đất nước học* là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các khái niệm trong nghiên cứu văn hóa như: quốc gia dân tộc (nation-state), văn hóa (culture), quyền lực (power) và bản sắc (identity). Từ đó, bên cạnh việc nắm được kiến thức về lịch sử, địa lý, hệ thống chính trị, đặc điểm kinh tế, hệ giá trị văn hóa của các nước lớn như Anh và Mỹ, Nga, Trung Quốc sinh viên còn được trang bị kiến thức về cách tiếp cận đất nước như những kiến tạo lịch sử kết nối với nhau thành một hệ thống và định hình cách con người giải quyết vấn đề, cũng như cách thức sống chung với nhau.

Sau học phần này sinh viên có khả năng phân tích lịch sử, địa lý, hệ thống chính trị, đặc điểm kinh tế, hệ giá trị văn hóa của các nước lớn như Anh, Mỹ, Nga, Trung Quốc, có khả năng đối chiếu so sánh đặc trưng của các quốc gia, có khả năng phân tích mối quan hệ giữa các đặc trưng của từng quốc gia trong việc hình thành cách thức con người giải quyết vấn đề, cũng như cách thức quốc gia đó ứng xử với các nước khác trong quan hệ quốc tế, được trang bị kỹ năng tổng hợp và phân tích tài liệu về lịch sử, địa lý, văn hóa, chính trị, kinh tế của một quốc gia, được trang bị kỹ năng so sánh, đối chiếu đặc trưng của các quốc gia, được trang bị kỹ năng tranh luận về thể chế chính trị, luật pháp của các quốc gia, hình thành niềm yêu thích, say mê khi tìm hiểu về đặc trưng của các quốc gia trên thế giới cũng như luận giải được việc tác động của những đặc trưng đó tới việc hình thành bản sắc quốc gia ở cấp độ cá nhân và cấp độ cộng đồng, đặc biệt là cách ứng xử của quốc gia đó trong quan hệ quốc tế.

52. KỸ NĂNG NGOẠI GIAO SỐ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Khối kiến thức cơ sở ngành**

Học phần Kỹ năng ngoại giao số là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm hai nội dung chính: lý thuyết cơ bản về ngoại giao số và thực hành kỹ năng ngoại giao số. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hoạt động ngoại giao số chuyên nghiệp trên thực tiễn tại các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các Bộ, ban, ngành.

Qua học phần, sinh viên nắm vững lý thuyết về ngoại giao số và các kỹ năng ngoại giao số; nắm vững cách thức ứng dụng các phương tiện kỹ thuật số để hoạt động ngoại giao số chuyên nghiệp; có kỹ năng sáng tạo các chiến lược ngoại giao số; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch ngoại giao số chuyên nghiệp; có năng lực trách nhiệm cao với tư cách là một nhà ngoại giao số, có ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc ngoại giao toàn cầu; có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể, trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc, có trách nhiệm với

cộng đồng với vai trò là một nhà ngoại giao số.

53. TIẾNG ANH

TIẾNG ANH CƠ SỞ I

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (5.5 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết phục vụ giao tiếp ở mức độ trung cấp. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc để đoán, sử dụng từ vựng tiếng Anh hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

TIẾNG ANH CƠ SỞ II

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (6.0 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết phục vụ cho mục đích học thuật. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ trung bình tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được

các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Anh cơ sở I và II)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình, các vấn đề quốc tế. Học phần cũng tập trung vào việc đọc hiểu các bài báo của tờ International Herald Tribune và nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các giờ thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Anh.

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các phương pháp tiếp cận khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh phổ biến thế giới, từ đó biết cách tìm tài liệu phù hợp và phân tích các vấn đề quốc tế. Học phần tập trung vào các bài báo của tờ International

Herald Tribune theo các chủ đề phong cách sống, nghệ thuật, giải trí, công nghệ, khoa học và sức khỏe, cũng như nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các buổi thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề thời sự quốc tế nổi bật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được khối từ vựng đa dạng theo các chủ đề đã học. Về mặt kiến thức, sinh viên hiểu được và sử dụng các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực thời sự quốc tế, vấn đề toàn cầu. Về mặt kỹ năng, sinh viên sẽ được nâng cao các kỹ năng tiếp thu và trình bày vấn đề trong bối cảnh rộng hơn.

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mới như đọc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đọc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế (chính trị, kinh tế, ngoại giao đa phương, song phương);

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự và bình luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The Diplomat, the New York Times,.... Đối với kỹ năng đọc hiểu, người học sẽ vận dụng được toàn bộ các kỹ năng đã được học ở các học phần trước để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết

một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận. Với kỹ năng nghe hiểu, học phần tiếp tục tập trung vào nghe các đoạn tin, bài bình luận có tốc độ nhanh trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về các vấn đề thuộc chuyên ngành ngoại giao; sinh viên có thể tái tạo lại bản tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên sẽ có khả năng trình bày quan điểm của mình về vấn đề tác giả nêu trong bài bình luận: đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.

54. TIẾNG PHÁP

TIẾNG PHÁP CƠ SỞ I

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Sinh viên nắm vững chương trình tiếng Pháp phổ thông: có vốn từ vựng, ngữ pháp cơ bản và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản tương đương với trình độ A1⁺ (giữa A1 và A2) của Khung tham chiếu châu Âu về ngoại ngữ.**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức mở rộng về ngữ pháp, từ vựng, luyện âm cũng như rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong các tình huống giao tiếp thông thường của đời sống hàng ngày và trong các tình huống giao tiếp thông thường ở môi trường làm việc liên văn hóa và đối ngoại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên: i) củng cố và nâng cao những kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp cơ bản đã học ở các bậc học phổ thông như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu điều kiện, các thể vô nhân xưng, tính từ và đại từ không xác định...; ii) nắm được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày và giao tiếp thông thường ở môi trường làm việc liên văn hóa liên quan đến lĩnh vực đối ngoại; iii) tích lũy các kiến thức chung và các kiến thức về văn hóa xã hội Pháp (giáo dục, ẩm thực, sức khỏe, một số nhà văn tiêu biểu...) cũng như các kiến thức đơn giản về một số cơ quan và tổ chức quốc tế (EU, LHQ, Đài RFI...) hay khám phá một số thành phố quan trọng của đời sống

chính trị châu Âu và quốc tế (Bruxelles, Luxembourg, Paris, Strasbourg, Genève...). Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về đất nước, con người, ngôn ngữ và văn hoá Pháp, mạnh dạn tham gia các tình huống trò chuyện thông thường trong cuộc sống với những người bản ngữ nói tiếng Pháp.

TIẾNG PHÁP CƠ SỞ II

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp cơ sở I**

Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức mở rộng về ngữ pháp, từ vựng, luyện âm cũng như rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong các tình huống giao tiếp hàng ngày và các tình huống giao tiếp thông thường trong môi trường làm việc liên văn hóa và đối ngoại

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên: i) củng cố và nâng cao những kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp như: La voix passive, Subjonctif présent, adverbess/pronoms interrogatifs, pronoms relatifs...; ii) mở rộng lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp thông thường và ở môi trường làm việc liên văn hóa liên quan đến đối ngoại; iii) tiếp tục tìm hiểu văn hóa xã hội Pháp cũng như các kiến thức đơn giản về một số cơ quan và tổ chức quốc tế (Liên minh châu Phi, Đài RFI, Đài truyền hình TV5, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ...). Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về đất nước, con người, ngôn ngữ và văn hoá Pháp, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình trong các cuộc trao đổi với những người bản ngữ nói tiếng Pháp.

TIẾNG PHÁP CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp cơ sở II**

Học phần này tiếp tục củng cố cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ, hệ thống hóa và nâng cao các kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp, được rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu về các chủ đề của cuộc sống thường ngày cũng như

các vấn đề văn hóa xã hội của Pháp, đặc biệt được trang bị thêm các kiến thức về đất nước học. Học phần được giảng dạy theo các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết, nói và trang bị kiến thức văn hóa văn minh Pháp.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp nâng cao về thời, thức của động từ, đại từ liên hệ, đại từ bổ ngữ, các lỗi diễn đạt nguyên nhân, mục đích, hậu quả, đối lập, nhượng bộ,..., ii) nắm được các kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa, xã hội của Pháp (đất nước con người, văn hóa ẩm thực, giải trí, hệ thống giáo dục, thanh thiếu niên, thị trường lao động, các phương tiện thông tin truyền thông,...); iii) các kiến thức chung bằng tiếng Pháp về các vấn đề văn hóa, xã hội phổ biến. Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề văn hoá, xã hội của Pháp, tích cực tìm các điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hoá, xã hội Pháp và Việt Nam.

TIẾNG PHÁP CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần này là học phần đầu tiên của tiếng Pháp chuyên ngành. Trong học phần này, sinh viên sẽ bắt đầu tiếp cận và làm quen với các tin tức, tài liệu liên quan đến các đời sống chính trị của Pháp, các vấn đề thời sự quốc tế. Học phần được giảng dạy theo 3 kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết và một số giờ kiến thức văn hóa văn minh Pháp để tăng thêm phong kiến thức cho sinh viên

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được thuật ngữ và cấu trúc ngữ pháp thường dùng trong đời sống chính trị xã hội Pháp và các nước Pháp ngữ; ii) các kiến thức cơ bản về đời sống chính trị, thời sự của Pháp như hệ thống chính trị, đảng phái, hệ thống bầu cử, vấn đề dân số, nhập cư, tổ chức công đoàn, tôn giáo, vai trò của Pháp trong Liên minh châu Âu và Tổ chức Pháp ngữ; iii) có hiểu biết cơ bản về 1 số vấn đề thời sự quốc tế nổi bật. Sinh viên chủ động tìm hiểu về các vấn đề xã hội, chính trị, thời sự tại Pháp, tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt giữa hệ thống của Pháp và Việt Nam.

TIẾNG PHÁP CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, phân tích và tổng hợp thông tin khi đọc các bài báo về thời sự quốc tế trên các báo, tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ; các kỹ năng nghe hiểu các đoạn tin thời sự, từ tin chậm, tin vắn đến bản tin thông thường trên các đài phát thanh, truyền hình của Pháp và các nước Pháp ngữ, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm kiếm tài liệu về các vấn đề quốc tế. Ngoài ra trong học phần này, sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nguyên tắc, trình tự thao tác và thủ thuật cơ bản của công việc biên dịch đối ngoại từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Việc triển khai giảng dạy được thực hiện theo 3 nhóm kỹ năng: Đọc hiểu và dịch xuôi, Nghe hiểu và diễn đạt nói, Dịch ngược và viết.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề này; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội như: Dân số, phát triển, toàn cầu hóa, đầu tư nước ngoài, môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng, nông nghiệp và đa dạng sinh học, ma túy, bệnh dịch... ; iii) một số vấn đề lý thuyết cơ bản về biên dịch (phương pháp thu thập tài liệu liên quan đến nội dung dịch trong ngôn ngữ đích, trình tự thao tác thực hiện một bản dịch, các thủ pháp dịch cơ bản). Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

TIẾNG PHÁP CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần này tiếp tục củng cố và nâng cao cho sinh viên các kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp thông tin của các bài báo về các vấn đề quốc tế trên các tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ; các kỹ năng nghe hiểu các đoạn tin tức thời sự và bình luận về chủ đề quan hệ quốc tế trên các kênh phát thanh, truyền hình tiếng Pháp; các kỹ năng trình bày về các vấn đề quốc tế, bày tỏ quan điểm và xây dựng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Học phần này cũng luyện tập thêm cho sinh viên các kỹ năng biên dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt sau khi đã hiểu kỹ văn bản tiếng Pháp và trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về Biên dịch Việt - Pháp, đặc biệt là kỹ năng phân tích và xử lý văn bản gốc sao cho dễ chuyển dịch sang tiếng Pháp từ đó nâng cao trình độ viết bằng tiếng Pháp của sinh viên. Việc triển khai giảng dạy được thực hiện theo 3 nhóm kỹ năng: Đọc hiểu và dịch xuôi, Nghe hiểu và diễn đạt nói, Dịch ngược và viết.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được các thuật ngữ chuyên ngành về các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội như *Dân số, phát triển, toàn cầu hóa, đầu tư nước ngoài, môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng, nông nghiệp và đa dạng sinh học, đấu tranh chống ma túy, bệnh dịch, ...* và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề này; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề trên. Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

TIẾNG PHÁP CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần này tiếp tục giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng đọc hiểu các bài báo phân tích, bình luận trên các tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ, nghe hiểu các bản tin và bình luận trên các kênh phát thanh, truyền hình tiếng Pháp; trình bày các vấn đề thời sự quốc tế, bày tỏ quan điểm và lập luận để tham gia tranh luận, bảo vệ quan điểm của mình và thuyết phục

đối phương. Học phần này được giảng dạy theo ba nhóm kỹ năng: đọc hiểu và dịch xuôi, nghe hiểu và diễn đạt nói, dịch ngược và viết và một số giờ học kiến thức về Pháp ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được các thuật ngữ chuyên ngành QHQT và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề quốc tế; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính chính trị, đối ngoại như: các nước lớn và quan hệ của các nước lớn, dịch bệnh, nghèo đói, môi trường (biến đổi khí hậu, năng lượng, tài nguyên nước), an ninh chính trị toàn cầu (khủng bố, hạt nhân, khủng hoảng nhập cư), các tổ chức quốc tế: Liên hiệp quốc, tòa án quốc tế La Haye, OPEP, hợp tác khu vực: ASEAN, EU, tự do thương mại: WTO, các hiệp định tự do thương mại song và đa phương, ... và các vấn đề đối ngoại của Việt Nam; iii) các kiến thức cơ bản liên quan đến Pháp ngữ. Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

55. TIẾNG TRUNG

TIẾNG TRUNG CƠ SỞ I

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành chương trình tiếng Trung ở bậc phổ thông.**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Trung quốc tế tương đương B1 (HSK4 trở lên), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết phục vụ giao tiếp cơ bản. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc để đoán, sử dụng từ vựng tiếng Trung hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

TIẾNG TRUNG CƠ SỞ II

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở I**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Trung quốc tế tương đương B1 (HSK4 280 điểm trở lên), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định.*

Học phần phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và kỹ năng mềm trong đàm phán thương mại. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ cơ bản tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau và mô phỏng đàm phán thương mại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung ở mức độ trung cấp bậc 4/6 Khung NLNN Việt Nam.

TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Trung cơ sở I và II)

Học phần phát triển các kỹ năng: nghe, đọc báo, viết nâng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế (The People's Daily, Xinhua News Agency) và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới (CCTV), qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu các vấn đề quốc tế; Trang bị cho sinh viên

các từ ngữ, thuật ngữ, cấu trúc đặc thù thường gặp về chính trị, xã hội, kinh tế; Rèn luyện kỹ năng viết được chính xác các dạng viết ứng dụng như viết công hàm, viết thư từ, viết đơn, có thể truyền đạt chính xác các thông tin chuyên ngành trong một bộ cục chuẩn.

Sau khi hoàn thành học phần, có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao để viết một đoạn văn, đồng thời bước đầu đưa ra ý kiến đánh giá, quan điểm của bản thân mình về các vấn đề xã hội, tóm tắt (đơn giản) thông tin về các vấn đề xã hội, thuyết trình bằng tiếng Trung về những đề tài xã hội mang tính khái quát. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Trung.

TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần tiếp tục phát triển kỹ năng nghe, đọc báo, kỹ năng mềm trong ngoại giao. Học phần cung cấp cho sinh viên các từ ngữ và thuật ngữ về chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật và văn hóa, củng cố các cấu trúc câu đặc thù thường gặp trong các văn bản chính thống của Trung Quốc, từ đó rèn luyện kỹ năng nghe, đọc, viết, nói trong các lĩnh vực trên.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu các bản tin chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật và văn hóa bằng tiếng Trung ở mức độ cao hơn mức cơ bản, có khả năng sử dụng các từ ngữ chuyên ngành để nghe, nói, đọc, viết về các vấn đề này; Sinh viên được trang bị kỹ năng tóm tắt vấn đề, tóm tắt nội dung các bài báo, nghe hiểu tốt.

TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế, các bài báo được đăng trên các trang web chính thức của các bộ, ban, ngành của Trung Quốc và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên kênh CCTV; phân tích và thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác, lồng tiếng và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Trung về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần tiếp tục giúp sinh viên luyện tập và phát triển các kỹ năng dịch, luyện nghe tin tức thời sự, thảo luận, trình bày. Chủ đề của đoạn văn, bài văn, đoạn tin tức là các chủ đề nóng, đa lĩnh vực. Học phần này luyện tập và phát triển các kỹ năng như: nghe hiểu tin tức, tóm tắt, lấy ý chính và xác định nội dung bản tin ở tốc độ nhanh, dịch viết các bản tin với tốc độ nhanh, trình độ cao... Sinh viên có thể ghi chép tương đối đầy đủ nội dung chính trong khi nghe; có thể hiểu các vấn đề chuyên ngành toàn diện hơn.

Học phần luyện tập và phát triển các kỹ năng như: trao đổi bằng tiếng Trung về các vấn đề chuyên ngành, giao tiếp về các vấn đề trong cuộc sống tự nhiên thoải mái, viết các bài phân tích chuyên ngành.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và dịch các bản tin chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật, văn hóa, luật pháp, quân sự... bằng tiếng Trung ở mức độ cao, có khả năng sử dụng các từ ngữ chuyên ngành để trình bày viết, dịch về các vấn đề này. Ngoài ra sinh viên *có thể* có khả năng nghe hiểu tin tức thời sự chính thống bằng tiếng phổ thông (giọng chuẩn hoặc không chuẩn), biết tóm tắt, dịch viết nhanh, nghe hiểu tốt. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng phản xạ tức thì để chuẩn bị cho học phần dịch nói ở học phần tiếp theo.

TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần rèn luyện kỹ năng: dịch viết, dịch nói. Sinh viên được giới thiệu các kỹ năng về biên dịch và phiên dịch đối ngoại, luyện kỹ năng ghi nhớ, ghi chép để tăng phản xạ dịch cũng như tốc độ dịch. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ viết và dịch được các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc; có thể nghe hiểu tin tức thời sự chính thống bằng tiếng phổ thông (giọng chuẩn hoặc không chuẩn). Có kỹ năng ghi nhớ và ghi chép lại ngôn ngữ gốc để chuyển tải thành ngôn ngữ đích. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện khả năng phản biện, tăng phản xạ và tốc độ dịch thông qua độ khó của bài dịch.

56. HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP

Số tín chỉ: **10**

Điều kiện tiên quyết: **Đã tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần trước đó (110 tín chỉ).**

Sinh viên lựa chọn một trong ba hình thức: Viết khóa luận/ hoặc Làm bài tập dự án và sản phẩm truyền thông quốc tế/ hoặc Học học phần Truyền thông

quốc tế tổng hợp. Cụ thể:

a. Khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học trong toàn khóa, trên cơ sở đó vận dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn đặt ra ở một địa bàn cụ thể, dưới sự hướng dẫn của 1 giảng viên. Học phần giúp hình thành cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học và giải quyết một vấn đề thực tiễn đặt ra. Khi hoàn thành, bản khóa luận thể hiện người học vận dụng kiến thức đã tích lũy trong toàn khóa học, ứng dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn trong phạm vi chuyên ngành Truyền thông quốc tế, trình bày dưới dạng một đề tài khoa học theo Quy định về viết Khóa luận của Học viện Ngoại giao, Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại.

b. Bài tập dự án và sản phẩm truyền thông quốc tế (10 Tín chỉ)

Học phần Bài tập dự án và sản phẩm truyền thông quốc tế là học phần lựa chọn thuộc khối kiến thức tốt nghiệp của sinh viên. Sinh viên thực hiện công việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên ở hai nội dung công việc chính sau:

+ 1. *Bài tập dự án (04 tín chỉ)*: Sinh viên xây dựng dự án truyền thông dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ 2. *Sản phẩm truyền thông quốc tế (06 tín chỉ)*: Sinh viên sáng tạo một sản phẩm truyền thông hoàn thiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

c. Học phần Truyền thông quốc tế tổng hợp (10 tín chỉ): Sinh viên sẽ học học phần tổng hợp 10 tín chỉ trong học kỳ 8 trước khi tốt nghiệp. Đây là tổ hợp gồm kiến thức chuyên sâu nâng cao của 3 học phần Truyền thông và quan hệ quốc tế nâng cao (4 tín chỉ), Ngoại giao văn hóa ứng dụng (3 tín chỉ) và Quan hệ công chúng nâng cao (3 tín chỉ).

Học phần nhấn mạnh các việc luyện tập các lý thuyết và kỹ năng nâng cao trong các nội dung học phần nêu trên.

57. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phát triển năng lực thể chất và văn hoá thể chất, ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng; biết lựa chọn môn thể thao phù hợp với năng lực vận động của bản thân để luyện tập; biết thích ứng với các điều kiện sống, lạc quan và chia sẻ với mọi người; có cuộc sống khoẻ mạnh về thể lực và tinh thần; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có sức khỏe, có văn hóa, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

58. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Số tín chỉ: 08

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; công tác quốc phòng, an ninh; quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên tiếp tục rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học trong công việc; có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TS. Phạm Lan Dung

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Lý Thị Hải Yến